

**ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI CỦA CÁC LOÀI RẮN TRONG GIỐNG *ENHYDRIS*
Sonni & Latreille, 1802 (HỌ RẮN NƯỚC - COLUBRIDAE) Ở TỈNH AN GIANG**

HOÀNG THỊ NGHIỆP, NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN

Trường Đại học Đồng Tháp

NGÔ ĐẮC CHỨNG

Trường Đại học Sư phạm Huế

Theo Nguyễn Văn Sáng và cộng sự (2009), Việt Nam có 7 loài thuộc giống Rắn bông *Enhydris* Sonni & Latreille, 1802. Cụ thể là Rắn bông ven biển *Enhydris bennettii* (Gray, 1842), Rắn bông voi *Enhydris bocourti* (Jan, 1865), Rắn bông trung quốc *Enhydris chinensis* (Gray, 1842), Rắn bông súng *Enhydris enhydris* (Schneider, 1799), Rắn bông không tên *Enhydris innominata* (Morice, 1875), Rắn bông chì *Enhydris plumbea* (Boie in: Boie, 1827) và Rắn bông mê công *Enhydris subtaeniata* (Bourret, 1934).

Tỉnh An Giang có 6 loài thuộc giống rắn này, với trữ lượng khá dồi dào. Đặc biệt ở đây người dân đánh bắt các loài như Rắn bông súng, Rắn bông voi để dùng làm thực phẩm hằng ngày, được buôn bán ở các chợ như các loài cá. Nhu cầu dùng thịt rắn để ăn như một món ăn sành điệu đã làm cho giá bán các loài này ở trong vùng rất cao, khoảng 200.000đ/kg rắn bông súng, 800.000đ/kg rắn bông voi. Trên cơ sở các mẫu vật thu được chúng tôi mô tả đặc điểm hình thái, xây dựng khóa định loại nhanh cho các loài trong nhóm này ở vùng nghiên cứu.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thu mẫu ngoài thực địa theo đợt tập trung, vào các mùa khác nhau trong năm, thời gian thu mẫu từ tháng 9 năm 2009 đến tháng 1 năm 2011. Các loài trong giống này không thuộc nhóm rắn độc, bò chậm chạp nên thường được thu bằng tay, sau đó mẫu vật được gây mê để chụp hình, giữ lại màu sắc giống như khi con vật đang sống.

Phân tích các đặc điểm hình thái các mẫu vật tại phòng thí nghiệm Khoa Sinh học, Đại học Đồng Tháp và Đại học Sư phạm Huế, mẫu được lưu giữ tại phòng thí nghiệm động vật của hai địa điểm trên. Các chỉ tiêu hình thái để phân tích là: Đếm số hàng vảy quanh thân (C) ở cổ, giữa thân và trước hậu môn; vảy bụng (V); vảy dưới đuôi (Scd); tấm môi trên (SL); tấm môi dưới (IL); tấm thái dương (T). Đo chiều dài thân (SVL), dài đuôi (TL), đo đường kính mắt (OD), khoảng cách từ mắt đến mũi, khoảng cách từ mắt đến mõm. Định tên khoa học các loài theo tài liệu của các tác giả sau: (Đào Văn Tiến, 1981), (H. Saint Gions (1972), (Campden - Main S. M. (1984) và (Nguyễn Văn Sáng, 2009).

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đặc điểm hình thái của các loài

* *Enhydris enhydris* (Schneider, 1799); *Hydrus enhydris* J. G. Schneider, 1799, Hist. Amphi. Nat. Lit. Fasc. Jena, 1: 245; *Hypsirhina albolineatus* A. Morice, 1875, Coup Fau. Cochinch. Fran., Lyon: 58; Tên ếng Anh: Rainbow water snake; Tên Việt Nam: Rắn bông súng; Tên địa phương: Rắn bông súng thường.

Mô tả: Cơ thể cỡ nhỏ, chiều dài thân từ 420mm đến 450mm, trung bình 432mm. Đầu hơi dẹt, phân biệt với cổ. Lỗ mũi có nếp da che, nằm ở phía trên đầu, đuôi ngắn. Tấm mũi chạm nhau, tấm đỉnh phát triển (dài hơn rộng 1,6 lần), tấm trán dài gấp 2 lần rộng. Mắt nhỏ, lỗ mắt tròn, đường kính mắt 1,9mm bằng 0,18 lần chiều dài đầu, bằng 0,57 lần khoảng cách từ mõm

tới trước mắt. Có 8 tấm môi trên, tấm thứ 3 tiếp giáp với mắt. 7 tấm môi dưới, cặp đầu tiên tiếp xúc với tấm sau cằm, tấm 3 và 4 tiếp xúc với tấm sau cằm sau. Có 2 tấm trước trán cách với hai tấm mũi bởi một tấm hình thoi, phía bên tiếp xúc tấm má. Vảy quanh thân 27 - 21 - 19, vảy xếp hình mái lợp. Hàng vảy thân thứ nhất gần vảy bụng có màu trắng, tiếp đến hàng vảy thân thứ 2 có màu nâu nhạt xếp nối với nhau tạo thành 2 sọc nâu ở hai bên lưng, vảy thứ 3 có 1/2 vảy màu đen ở phía thân, 1/2 có màu trắng ở phía bụng, vảy lưng màu xám nâu, tạo cho cơ thể có màu nâu ở mặt lưng. Tấm thái dương 1+2+3. Có 150 - 177 vảy bụng, mỗi vảy bụng có 1 chấm đen nối với nhau tạo thành 1 sọc màu đen ở giữa chạy dài mặt bụng cơ thể từ đầu đến hậu môn. Tấm hậu môn chẻ đôi. Vảy dưới đuôi kép. Chiều dài đuôi bằng 0,14 chiều dài cơ thể.



Hình 1: Đầu rắn bông súng - *Enhydris enhydris*

* *Enhydris subtaeniata* (Peter, 1863); *Hipserhina jagori* R. Bourret 1936, Serp. Indoch. Toul., 2: 278; Tên tiếng Anh: Striped water snake; Tên Việt Nam: Rắn bông mê công; Tên địa phương: Rắn lát.

Mô tả: Cơ thể nhỏ, chiều dài thân từ 490mm đến 525mm, trung bình 518mm. Đầu hơi dẹt, phân biệt rõ với cổ. Lỗ mũi có nếp da che, nằm ở phía trên đầu. Tấm đỉnh phát triển. Hai tấm mũi chạm nhau cách hai tấm trước trán bởi một tấm vảy hình thoi. Tấm trán dài hơn rộng (dài/rộng bằng 1,4 lần). Mắt nhỏ, lỗ mắt tròn, đường kính mắt 1,9 mm bằng 0,16 lần chiều dài đầu, bằng 0,33 lần khoảng cách từ mõm đến trước mắt. Có 1 tấm má nằm trên tấm mép thứ 2, tiếp giáp một phần nhỏ với tấm mép thứ 2 và thứ 3. Có 8 tấm môi trên, tấm thứ 4 tiếp giáp với mắt. Tấm thái dương 1+2+4. Tấm mõm rộng hơn hai lần cao. Tấm cằm hình tam giác, dài bằng 0,55 lần chiều rộng. Có 7 tấm môi dưới, cặp tấm đầu tiên tiếp xúc nhau sau tấm cằm, cặp tấm thứ 4 tiếp xúc với tấm sau cằm sau. Vảy thân nhẵn, 27 - 21 - 19 hàng. Lưng màu đen xen một số đốm thẫm màu xám hình thoi. Có 131 vảy bụng, tấm hậu môn chẻ đôi. Ở mặt bên của lưng có 3 hàng vảy màu đen xen với 1 hàng vảy màu xám xen với nhau tạo thành một đường viền hình chữ y chạy dọc cơ thể. Chiều dài đuôi trung bình 120,7 mm bằng 0,23 lần chiều dài cơ thể.



Hình 2: Đầu rắn bông mê công - *Enhydris subtaeniata*

* *Enhydriis plumbea* (Boie, 1837); *Homalopsis plumbea* H. Boie, 1827, Isis von Oken, Jena: 560; Tên tiếng Anh: Plumbeous water snake; Tên Việt Nam: Rắn bông chì; Tên địa phương: Chàm quạp nước.

Mô tả: Thân ngắn và mập, chiều dài thân từ 430mm đến 462 mm. Đầu tròn, ít phân biệt với cổ. Lỗ mũi có nếp da che, nằm ở phía trên đầu, đuôi ngắn không thuôn dài. Mắt nhỏ ở bên đầu, con ngươi hình bầu dục. Tầm đỉnh phát triển. Hai tầm mũi chạm nhau, phía ngoài tầm mũi chẻ đôi, phía bên tiếp giáp với tầm má. Có 1 tầm má nằm trên tầm mép thứ 2, tiếp giáp một phần nhỏ với tầm mép thứ 2 và một phần tầm mép thứ 3. Có 8 tầm môi trên, tầm thứ 4 tiếp giáp với mắt. Tầm thái dương 6 vảy. Tầm mõm rộng hơn hai lần cao. Tầm cằm hình tam giác, dài bằng 0,75 lần rộng. Có 10 tầm môi dưới, cặp tầm đầu tiên tiếp xúc nhau sau tầm cằm. Vảy bao quanh thân 21-19-19 hàng, vảy nhẵn. Tầm hậu môn chẻ đôi, những vảy dưới đuôi kép. Lưng xám chì. Mặt bụng màu vàng. Vảy lưng thứ 1, 2 màu vàng có chấm đen, vảy thứ 3 thì 1/2 vảy có màu xám, tất cả vảy lưng còn lại màu xám không có gờ, không nhẵn, trên mỗi vảy có một vết lõm ở giữa và những vết lõm nhỏ xung quanh. Chiều dài đuôi 54mm bằng 0,11 lần chiều dài cơ thể.



Hình 3: Đầu Rắn bông chì - *Enhydriis plumbea*

* *Enhydriis chinensis* (Gray, 1842); *Hypsirhina chinensis* J. E. Gray, 1842, Zool. Misc., London: 66; *Enhydriis chinensis*, M. A. Smith, 1923, Jour. Nat. Hist. Soc. Siam, Bangkok, 6: 203; Tên Việt Nam: Rắn bông trung quốc; Tên địa phương: Rắn bông súng.

Mô tả: Có 8 tầm môi trên, tầm thứ 4 chạm mắt. Hai tầm mũi chạm nhau. Vảy bụng màu trắng, 2 bên có viền đen, tiếp là 2 hàng vảy thân có những vảy trắng, đen xếp hàng dọc xen kẽ tạo thành những đốm đen 2 bên bụng xen kẽ những đốm trắng. Tiếp theo là hàng vảy thân màu trắng tạo thành 2 đường trắng 2 bên thân. Tiếp đến có 3 hàng vảy thân sát nhau, hàng giữa cứ 2 vảy đen có 1 vảy trắng xen kẽ, hàng nằm phía bụng nửa vảy giáp thân màu nâu đen, nửa vảy giáp bụng màu trắng. Lưng có những đốm đen khoảng 4 vảy đen do 2 hàng vảy thân gần nhau tạo thành nằm giữa vảy nâu. Vảy đuôi kép, màu đen ở gốc, viền trắng phần rìa ngoài.



Hình 4: Đầu Rắn bông trung quốc - *Enhydriis plumbea*

* *Enhydris innominata* (Morice, 1875); *Hypsirhina innominata* A. Morice, 1875, Coup Fau. Cochinch. Fran., Lyon: 58; *Enhydris innominata*, M. A. Smith, 1943, Faun. Brit. India, Rept. Amphib., Vol. 3, London: 385; Tên Việt Nam: Rắn bông không tên; Tên địa phương: Voi voi.

Mô tả: Đầu tròn ít phân biệt với cổ, có 8 tấm môi trên tấm 4 chạm mắt; 10 tấm môi dưới. Tấm thái dương 1+2+4, 1 tấm trước mắt, 1 tấm trên mắt, 2 tấm sau mắt. Cú 2 - 3 vảy bụng màu trắng có 1 vảy bụng màu đen tuy nhiên đen không hoàn toàn (đen 1/2 bên phải hoặc trái) tạo thành những đường viền đen dưới bụng không liền nhau. Trong 4 hàng vảy thân liền kề hàng vảy bụng thì cú 3 - 4 hàng vảy trắng có 1 hàng vảy đen, từ 2 bên thân đến bụng, có khoảng 30 - 35 viền đen như vậy. Vảy trên lưng màu đen, nhưng cứ khoảng 5 vảy đen có 1 vảy trắng và các vảy trắng này xếp thành một hàng ngang tạo thành vạch trắng xen kẽ vạch màu đen (vạch trắng có đường kính bằng 1/5 vạch đen), có khoảng 30 - 40 sọc trắng chạy ngang lưng.



Hình 5: Đầu Rắn không tên - *Enhydris innominata*

* **Rắn bông voi** *Enhydris bocourti* (Jan, 1865); *Hypsirhina bocourti* G. Jan, 1865, Arch. Zool. Anat. Phys, 3: 258; *Hypsirhina multilineata* G. Tirant, 1885, Rept. Batr. Cochinchine et cambodge, Saigon: 41; *Hypsirhina bocourti soctrangensis* R. Bourret, 1934, Ann. Bull. Gen. Istr. Pub., Hanoi: 14; *Enhydris bocourti*, M. A. Smith, 1943, Faun. Brit. India, Rept. Amphib., Vol. 3, London: 388.

Mô tả: Đầu thuôn dài, hơi phân biệt với cổ; mõm hơi cụt ở trước, vùng gáy cao bằng với lưng. Lỗ mũi ở mặt trên đầu hướng lên trên và hơi chệch về phía trước, nằm giữa 2 tấm mũi, tấm mũi dài hơn cao, ngắn hơn chiều dài tấm gian mũi; có 1 tấm gian mũi dài hơn rộng; tấm trán dài và hẹp (dài/rộng bằng 4,5 lần). Tấm đỉnh lớn, dài hơn rộng 0,99 lần nơi rộng nhất và bằng 3 lần nơi hẹp nhất. Mắt to so với đầu và lồi, lỗ mắt tròn; đường kính mắt dài 0,3cm bằng 0,05 lần chiều dài đầu, 0,25 lần khoảng cách từ mõm đến trước mắt. Có 8 tấm môi trên, tấm thứ 4, 5 tiếp giáp với mắt, 1 tấm trước mắt cao và hẹp, bằng khoảng 1,5 lần tấm má. Tấm mõm rộng gần 3 lần cao; tấm cằm hình tam giác rộng bằng cao; có 9 tấm môi dưới. Có 26 hàng vảy thân, 22 hàng trên lưng màu đen, cuối mỗi vảy có vết màu vàng nhạt; có 4 hàng vảy trắng giáp bụng nằm hai bên thân, cứ 4 hàng vảy trắng xen với 1 hàng vảy đen tạo thành những sọc trắng đen quanh bụng. Có tất cả 34 sọc đen mỗi bên bụng từ cổ đến hậu môn và có 10 sọc đen ở phần đuôi.



Hình 6: Rắn bông voi - *Enhydris bocourti*

2. Khóa định loại các loài trong giống Rắn bông - *Enhydris*

1 (10) Số hàng vảy thân từ 19 - 23 hàng 2
 2 (3) Có 19 hàng vảy thân, 120 - 130 vảy bụng.....Rắn bông chì - *Enhydris plumbea*
 3 (2) Hơn 19 hàng vảy thân..... 4
 4 (5) T ắm má không chạm t ắm mũi.....Rắn bông trung quốc - *Enhydris chinensis*
 5 (4) T ắm má chạm t ắm mũi 6
 6 (7) Có 2 t ắm thái dương trước, 23 hàng vảy thân.....Rắn bông không tên - *Enhydris innominata*
 7 (6) Có 1 t ắm thái dương trước..... 8
 8 (9) 118 - 128 vảy bụng Rắn bông gia go - *Enhydris jagori*
 9 (8) 150 - 177 vảy bụng Rắn bông súng - *Enhydris enhydris*
 10 (1) Trên 23 hàng vảy thânRắn bông voi - *Enhydris bocourti*

III. KẾT LUẬN

Chúng tôi đã tiến hành mô tả đặc điểm hình thái của 6 loài trong giống Rắn bông *Enhydris* Sonni & Latreille, 1802 ở An Giang. Rắn bông voi *Enhydris bocourti* (Jan, 1865), Rắn bông trung quốc *Enhydris chinensis* (Gray, 1842), Rắn bông súng *Enhydris enhydris* (Schneider, 1799), Rắn bông không tên *Enhydris innominata* (Morice, 1875), Rắn bông chì *Enhydris plumbea* (Boie in: Boie, 1827) và Rắn bông mê kông *Enhydris subtaeniata* (Bourret, 1934). Những đặc điểm hình thái của các mẫu vật chúng tôi mô tả hoàn toàn phù hợp với các nghiên cứu của các tác giả trước đây.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Đắc Chứng, Hoàng Thị Nghiệp, 2008: *Tạp chí Sinh học*, 30(3):52-57.
2. Đào Văn Tiên, 1981: *Tạp chí Sinh vật học*, 3(1): 1-6.
3. Đào Văn Tiên, 1982: *Tạp chí Sinh vật học*, 4(1): 5-9.
4. Campden - Main S. M., 1984: *A Field Guide to Snakes of South Vietnam*, Herpetological Seach Service & Exchange, New York.
5. Nguyen Van Sang, Ho Thu Cuc, Nguyen Quang Trung, 2009: *Herpetofauna of Vietnam*, Edition Chimaira.
6. H. Saint Gions, 1972 : *Les serpents du Cambodge*, Mémoires du museum national D' Histoire naturelle.

MORPHOLOGICAL CHARACTERISTICS OF SOME SPECIES OF *ENHYDRIS* Sonni & Latreille, 1802 IN AN GIANG PROVINCE

HOANG THI NGHIEP, NGUYEN THI THAO NGUYEN, NGO DAC CHUNG

SUMMARY

The genus *Enhydris* Sonni & Latreille, 1802 in Vietnam have seven species: *Enhydris bocourti* (Jan, 1865), *Enhydris chinensis* (Gray, 1842), *Enhydris enhydris* (Schneider, 1799), *Enhydris innominata* (Morice, 1875), *Enhydris plumbea* (Boie, 1827), *Enhydris subtaeniata* (Bourret, 1934). In this paper, we provide information about the distribution, morphological characteristics, and constructed key of identification for six species of the genus in An Giang province. The morphological characteristics of the specimens we described are fully consistent with studies of previous authors.